**HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY**

**KHÓA LUẬN/ĐỒ ÁN KỸ THUẬT/BÁO CÁO MÔN HỌC/NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**1. VỀ BỐ CỤC NỘI DUNG**

 Số chương của mỗi Khóa luận tốt nghiệp, Đồ án Kỹ thuật, Đồ án/Báo cáo môn học, Nghiên cứu khoa học sinh viên (viết tắt là **báo cáo**) tùy thuộc vào đặc tính, qui định của từng ngành/chuyên ngành và đề tài cụ thể; thông thường bao gồm những phần và chương sau đây:

* 1. *Mở đầu*: trình bày lý do chọn đề tài, mục tiêu, nội dung thực hiện, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, tính mới của đề tài.
	2. *Tổng quan*: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có (trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài), nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà đề tài cần tập trung nghiên cứu, giải quyết.
	3. *Vật liệu/dữ liệu và phương pháp thực hiện*: trình bày các cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học, dữ liệu khoa học, dụng cụ, thiết bị…và phương pháp nghiên cứu sẽ sử dụng trong quá trình thực hiện đề tài;
	4. *Kết quả thực hiện:* Trình bày quá trình thực hiện/nghiên cứu khoa học đã tiến hành, đánh giá, bàn luận các kết quả, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm. Phần bàn luận phải căn cứ vào các dữ liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;
	5. *Kết luận, kiến nghị*: trình bày những kết quả mới của báo cáo một cách ngắn gọn không có lời bàn và bình luận thêm; Kiến nghị những nghiên cứu tiếp theo (nếu có).
	6. *Danh mục tài liệu tham khảo*: chỉ bao gồm văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu (sách chuyên khảo, tham khảo, tài liệu trên mạng, giáo trình, tài liệu hội thảo, hội nghị, bài báo...) được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để sử dụng trong Khóa luận/BCCĐ/NCKHSV;
	7. *Phụ lục* (nếu có).

**2. VỀ CÁCH TRÌNH BÀY**

**2.1. Soạn thảo văn bản**

Sử dụng **kiểu chữ Times New Roman (Unicode) cỡ 13** của hệ soạn thảo Winword; **mật độ chữ bình thường**; không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; **dãn dòng đặt ở chế độ 1.5 lines**; **lề trên 3.5 cm**; **lề dưới 3 cm**; **lề trái 3.5 cm**; **lề phải 2 cm**.

Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Dòng đầu tiên mỗi đoạn văn cách **lề trái 1 tab**. Nếu có bảng, biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này. Cách đánh số trang như sau:

* Đánh số La Mã (i, ii, iii…) đối với từ Lời cảm ơn, Lời cam đoan, Tóm tắt, Danh mục hình vẽ, Bảng biểu, Các chữ viết tắt.
* Đánh số Ả rập (1, 2, 3…) bắt đầu từ trang Nội dung đến hết Tài liệu tham khảo.
* Đánh số PL-1, PL-2… đối với Phụ lục.

Nội dung trình bày đối với báo cáo tối thiểu là 30 trang *(riêng KLTN là tối thiểu 40 trang)* không bao gồm các trang bìa, bảng biểu, từ viết tắt, mục lục, tài liệu tham khảo, phụ lục. Văn bản cần được trình bày chân phương, không trang trí những hình ảnh không cần thiết.

**2.2. Tiểu mục**

Tiểu mục nên trình bày tối đa 4 cấp độ. Các tiểu mục được trình bày bằng số và nhóm chữ số, với số thứ nhất chỉ số chương (*Thí dụ:* 4.1.2.1 chỉ tiểu mục 1, nhóm tiểu mục 2, mục 1, Chương 4). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất **02** tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

***Ví dụ:*** **CHƯƠNG 4**

 **4.1. MỤC 1**

 **4.1.1. Nhóm tiểu mục 1**

 ***4.1.1.1. Tiểu mục 1***

 ***4.1.1.2. Tiểu mục 2***

1. *Phân tích 1*
2. *Phân tích 2*

**4.1.2. Nhóm tiểu mục 2**

**4.1.3. Nhóm tiểu mục 3**

**4.2. MỤC 2**

**2.3. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình**

Bảng được định dạng theo kiểu chân phương đơn giản, không dùng đường kẻ dọc và chỉ dùng đường kẻ ngang để giới hạn tiêu đề và hàng cuối cùng. Hình được cố định bằng định dạng In line with text.

Việc đánh số các bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương và được đánh số theo thứ tự xuất hiện của bảng biểu, hình vẽ, phương trình trong nội dung và phải chú thích hình và bảng tương ứng trong maintext.

Ví dụ: Hình 3.1, Hình 3.2, Hình 3.3 tương ứng là hình thứ 1, 2, 3 trong Chương 3; Phương trình (2.1), Phương trình (2.2) có nghĩa là phương trình thứ 1, 2 trong Chương 2.

Tiêu đề bảng đặt trên bảng; Tiêu đề hình và sơ đồ đặt dưới hình và sơ đồ; Số thứ tự của biểu thức trong ngoặc tròn nằm bên phải trang.

***Ví dụ:***

 **Bảng 2.1. Tiêu đề bảng ở trên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu đề 1a** | **Tiêu đề 2b** | **Tiêu đề 3b** | **Tiêu đề 4b** |
| Cột 1 | Cột 2 | Cột 3 | Cột 4 |
| Cột 1 | Cột 2 | Cột 3 | Cột 4 |
| Table Footnote: a, b, c |



 **Hình 2.1. Tiêu đề hình ở dưới**  **Hình 2.2. Tiêu đề hình ở dưới**

Mọi bảng biểu, hình vẽ lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ *(theo hướng dẫn mục 2.7)*. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong Danh mục tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng, biểu ghi phía trên bảng, biểu; đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Đầu đề phải ngắn gọn, dễ hiểu mà không cần tham chiếu đến nội dung. Bất cứ ký hiệu, viết tắt hay đơn vị đều phải được định nghĩa. Thông thường những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp ngay theo phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Các bảng rộng vẫn nên trình bày theo chiều đứng dài 297 mm của trang giấy, chiều rộng của trang giấy có thể hơn 210 mm. Chú ý gấp trang giấy như gấp hình vẽ để giữ nguyên tờ giấy. Cách làm này cũng giúp để tránh bị đóng vào gáy của phần mép gấp bên trong hoặc xén rời mất phần mép gấp bên ngoài. Tuy nhiên nên hạn chế sử dụng các bảng quá rộng này.

Các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ có thể sao chụp lại nhưng phải giữ nguyên tỷ lệ giữa 2 kích thước giống như hình ảnh gốc. Khi sao chụp hình ảnh có bản quyền, cần ghi rõ nguồn phía dưới chú thích ảnh; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản báo cáo. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ “… được nêu trong Bảng 4.1” hoặc “xem Hình 3.4”.

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn báo cáo. Khi có ký hiệu mới xuất hiện lần đầu tiên thì phải có giải thích và đơn vị tính đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của báo cáo. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2).

**2.4. Viết tắt**

Không lạm dụng việc viết tắt. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ *được sử dụng nhiều lần* trong báo cáo. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề hoặc những cụm từ ít xuất hiện.

Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. ***Ví dụ:*** World Health Organization (WHO).

Nếu có quá nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự A, B, C) ở phần đầu báo cáo.

Đối với tên chi trong danh pháp hai phần của động thực vật có thể viết tắt sau khi viết nguyên lần đầu tiên. ***Ví dụ:*** *Panax ginseng, P. notoginseng, P. vietnamensis.*

**2.5. Danh pháp, thuật ngữ**

 Tên của các hóa chất có nguồn gốc nước ngoài cần được giữ nguyên danh pháp, không phiên âm và tuân theo quy tắc của Dược điển Việt Nam hiện hành.

 ***Ví dụ:***

* Glucose, tránh ghi glucôzơ
* Lactase, tránh ghi lactaza
* Chloroform, không ghi cloroform
* Không bỏ đi chữ e sau các tên hóa chất (ví dụ: viết ethane không viết ethan, viết glycoside không viết glycosid hay glycoxide, viết ginsenoside không viết ginsenosid…)
* Acid sulfuric, tránh ghi acid sulphuric.

 Các tên tổ chức nước ngoài có thể dịch ra tiếng Việt và mở ngoặc chú thích tên gốc tiếng Anh.

 ***Ví dụ:*** Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization, WHO)

 Các thuật ngữ chuyên ngành cũng có thể dịch ra tiếng Việt nhưng cũng cần chú thích tên gốc tiếng Anh bên cạnh

 ***Ví dụ:*** Sắc ký lỏng hiệu năng cao (High-Performance Liquid Chromatography, HPLC)

Trong trường hợp không thể dịch sang tiếng Việt thì giữ nguyên thuật ngữ tiếng Anh, tránh việc dịch một cách kiên cưỡng làm thay đổi ý nghĩa của câu một cách không cần thiết.

**2.6. Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn**

**2.6.1. Cách trích dẫn - Trích dẫn mặc định kiểu IEEE (IEEE CITATION STYLE)**

* **Giới thiệu:**

IEEE được viết tắt từ Institute for Electrical and Electronics Engineers (Viện Kỹ sư Điện và Điện tử) - một tổ chức nghề nghiệp thế giới (<https://www.ieee.org>). Kiểu trích dẫn IEEE khá phổ biến trong các lĩnh vực kỹ thuật. Nguyên tắc cơ bản của trích dẫn kiểu IEEE (hay còn gọi kiểu “**số trong ngoặc vuông**”) là:

* Dẫn nguồn trong nội dung văn bản (bài báo, báo cáo, sách) bằng chữ số đặt trong dấu ngoặc vuông. **Số của tài liệu tham khảo (TLTK) là thứ tự xuất hiện của tài liệu trong văn bản**.
* Danh mục TLTK ở cuối văn bản được xếp theo số thứ tự của TLTK đã chú dẫn trong văn bản.
* **Quy cách trích dẫn:**
* Mọi ý kiến, khái niệm, phân tích, phát biểu, diễn đạt... có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý *không phải của riêng tác giả* và mọi tham khảo khác **phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của báo cáo**.
* Lưu ý không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết tránh làm nặng nề phần tham khảo trích dẫn.
* TLTK đã trích dẫn, sau đó được trích dẫn lại thì vẫn giữ nguyên số thứ tự đã dùng ở lần đầu.
* Chữ số chú dẫn nguồn TLTK được đặt trong 2 dấu ngoặc vuông, nếu nằm ở cuối câu thì đứng trước dấu chấm câu, ví dụ: [1].
* Khi trích dẫn từ 2 TLTK trở lên và các tài liệu không liên tục, giữa các tài liệu cách nhau bằng dấu phẩy, ví dụ: [2, 4].
* Với nhiều tài liệu liên tục, dùng dấu gạch ngang giữa TLTK đầu và cuối, ví dụ: [2-5].
* Trường hợp trích dẫn trực tiếp nguyên văn hoặc cần thiết chỉ rõ vị trí trích dẫn, ghi thêm số trang vào sau chữ số thứ tự, ví dụ: [11, tr.93].
* Khuyến khích sử dụng các phần mềm hỗ trợ trích dẫn tài liệu tham khảo và định dạng tự động kèm theo như sau:
* Endnote: [FoP-TDTU.ens](https://1drv.ms/u/s%21AiBTm-UHbLs9hP45SyCLIRdVRyP-6A?e=wMqIf3) (X9) **chọn kiểu trích dẫn mặc định IEEE**
* Mendeley: <https://csl.mendeley.com/styles/121771591/FoP-TDTU-2021>
* Zotero: free download và cài đặt
* **Một số ví dụ minh họa trích dẫn trong văn bản theo IEEE:**

 Công nghệ màng lọc sinh học MBR (membrane bioreactor) là sự kết hợp quá trình bùn hoạt tính sinh học và màng lọc [1].

Theo như nghiên cứu của Stefan và Walter [2], quá trình thí nghiệm được khảo sát với thời gian lưu nước HRT thấp nhất ở mức 1,5 giờ trên đối tượng nước thải đô thị. Trong khi, Ren và cộng sự [3] lại tiến hành đánh giá HRT trong khoảng thời gian từ 1-3 giờ. Kinh nghiệm đối với các nguồn nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, việc thiết lập HRT thường lựa chọn trong khoảng 1,5-7,5 giờ [4-6].

Gần đây, nhiều sensor huỳnh quang dựa trên dẫn xuất của fluorescein phát hiện cation kim loại đã được công bố [7-11]. Tuy nhiên các sensor này được nghiên cứu chủ yếu bằng phương pháp thực nghiệm và dựa trên kinh nghiệm của nhà nghiên cứu [2, 12], điều này làm tăng cho phí và thời gian nghiên cứu.

**2.6.2. Cách trình bày Danh mục tài liệu tham khảo**

* **Quy cách ghi theo loại hình TLTK:**

Mỗi loại hình có 2 mẫu cho tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh, chú ý các dấu chấm, phẩy, khoảng trống, ngoặc kép, in nghiêng.

*(1)TLTK là sách:*

[STT] Tên tác giả (các tác giả), *Tên sách in nghiêng*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, Năm.

[No.] Author’s name, *Title of book*, edition (if not first). Place of publication: Publisher, Year.

*(2) TLTK là 1 chương sách:*

[STT] Tên tác giả (các tác giả) của chương sách, “Tên chương”, trong *Tên sách in nghiêng*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu), Tên chủ biên, Chủ biên. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, Năm, trang số.

[No.] Author(s) of chapter, “Title of chapter”, In *Title of book*, edition (if not first), Editor(s) of book, Ed. Place of publication: Publisher, Year, Page number(s).

*(3)TLTK là bài báo trên tạp chí khoa học:*

[STT] Tên tác giả (các tác giả) bài báo, “Tên bài báo,” *Tên tạp chí in nghiêng*, tập, số, trang số, năm. DOI: xx.xxxxxxxxxx (nếu có).

[No.] Author(s) of paper, “Title of paper,” *Journal name- italicised*, volume number, issue number, page number(s), year. DOI: xx.xxxxxxxxxx (if available).

*(4) TLTK là bài trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị:*

[STT] Tên tác giả (các tác giả) bài viết, “Tên bài viết,” *trong Tên kỷ yếu hội thảo, nơi tổ chức, thời gian tổ chức in nghiêng*, Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, năm xuất bản, trang số.

[No.] Author(s) of paper, “Title of paper,” *Title of conference’s proceeding, palce of organization, time of organization – italicized*, Place of Publication: Publisher, year of publication, page numbers.

*(5) TLTK là bài trên báo chí:*

[STT] Tên tác giả (các tác giả), “Tên bài báo,” *Tên tờ báo in nghiêng* (Ngày tháng năm xuất bản), trang số.

[No.] Author(s) of article, “Title of article,” *Title of newspaper – italicised* (Year of publication, month day), page number(s).

*(6) TLTK là luận văn, luận án:*

[STT] Tên tác giả, “*Tiêu đề luận văn/luận án in nghiêng*,” Luận án tiến sĩ/Luận văn thạc sĩ, cơ sở đào tạo, địa điểm, năm in luận văn/luận án.

[No.] Author, “*Title of thesis – italicised*,” Doctoral dissertation/Master's thesis, Institution, Location, year of preparation of thesis.

*(7) TLTK từ internet:*

[STT] Tên tác giả (các tác giả), “Tên tài liệu,” Thời gian tài liệu được tạo hay cập nhật. [Trực tuyến]. Địa chỉ: http://www...... [Truy cập ngày/tháng/năm].

[No.] Author(s) of document, “Title of document,” Time document created or revised. [Online]. Availabe: http://www...... [Accessed mm dd yyyy].

* **Cách ghi tên tác giả trong TLTK:**

Tên tác giả ở các dạng tài liệu được ghi theo nguyên tắc:

* Đối với người nước ngoài: các chữ cái đầu của phần tên, tên đệm viết hoa kèm dấu chấm, họ viết đầy đủ. Ví dụ: Vladimir Ilyich Lenin sẽ được ghi là V. I. Lenin.
* Đối với người Việt: các chữ cái đầu của họ và tên đệm viết hoa kèm dấu chấm, tên viết đầy đủ. Ví dụ: Nguyễn Việt Dũng sẽ được ghi là N. V. Dũng.
* Khi có 2 tác giả thì ghi cả 2 với từ nối “và” (hoặc “and” trong tiếng Anh); từ 3-5 tác giả thì ghi tất cả tên tác giả với từ nối “và” (hoặc “and” trong tiếng Anh) trước tác giả cuối cùng; từ 6 tác giả trở lên thì chỉ ghi tên 3 tác giả đầu và tác giả cuối, ở giữa dùng dấu 3 chấm “...”.
* **Ví dụ liệt kê danh mục TLTK theo IEEE:**

[1] Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 ban hành Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường*, 2011.

[2] L. M. Gaetke and C. K.Chow, “Copper toxicity, oxidative stress, and antioxidant nutrients,” *Toxicology*, Vol. 189, No. 1–2, pp.147–163, 2003. DOI: 10.1016/S0300-483X(03)00159-8.

[3] N. M. Kỳ, T. T. T. Nhi và N. H. Lâm, “Nghiên cứu xử lý nước thải dân cư bằng công nghệ màng lọc sinh học MBR (Membrane Bioreactor),” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ: Phần A Khoa học Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường*, Tập 52, Số 52a, tr. 72–79, 2017. DOI: 10.22144/ctu.jvn.2017.112.

[4] P. K. Liệu và T. A. Tuấn, “Tính toán mức phát thải nhà kính của chính quyền thành phố Huế bằng công cụ Bilan Carbone,” *trong Kỷ yếu Hôi thảo Khoa học Quốc gia Đất ngập nước và Biến đổi khí hậu, Hà Nội, 2011*, Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2011, tr. 343-356.

[5] H. Huệ, “*Xử lý nước thải*”. Hà Nội: Nxb Xây dựng, 2013.

[6] T. Tamminen, “*Eutrophication and the Baltic Sea: Studies on Phytoplankton, Bacterioplankton and Pelagic Nutrient Cycles*,” PhD thesis, University of Helsinki, Finland, 1990.

[7] H. Huệ, “Chương 3: Công trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học,” trong *Xử lý nước thải*, H. Huệ, Chủ biên. Hà Nội: Nxb Xây dựng, 2013, tr.60 - 78.

[8] N. C. Trí, “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*,” Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM, 2011.

[9] D. Tử, “Nuôi tôm thẻ chân trắng trải bạt nền đáy,” 2015. [Trực tuyến]. Địa chỉ: http://thuysanvietnam.com.vn/nuoi-tom-the-chan-trang-trai-bat-nen-day-article6651.tsvn. [Truy cập 21/7/2016].

[10] Water Research Centre, *Proposed Water Quality Criteria for the Protection of Aquatic Life from Intermittent Pollution*. Report PRS 2498-NM, UK, 1990.

**2.7. Phụ lục**

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung Khóa luận/Đồ án như số liệu, biểu mẫu, tranh ảnh,…; nếu sử dụng những câu trả lời cho một bảng câu hỏi thì bảng câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến (không được tóm tắt hoặc sửa đổi). Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các biểu mẫu cũng cần nêu trong Phụ lục của Khóa luận/Đồ án. Phụ lục không được dày hơn phần chính của Khóa luận/Đồ án.

**3. VỀ HÌNH THỨC TOÀN BỘ QUYỂN**

***\* Đối với Khóa luận tốt nghiệp:***

1. *Trang bìa chính*: nội dung ghi theo **Mẫu 1.**
2. *Trang bìa phụ*: nội dung ghi theo **Mẫu 2.**
3. *Trang Lời cảm ơn*: viết ngắn gọn, thể hiện sự biết ơn của mình đối với những người đã giúp mình hoàn thành KLTN (có chữ ký của tác giả): **Mẫu 3.**
4. *Trang Lời cam đoan*: nội dung ghi theo **Mẫu 4-1 và Mẫu 4-2** (có đủ chữ ký)**.**
5. *Tóm tắt/Abstract:* trình bày tóm tắt vấn đề nghiên cứu, các hướng tiếp cận, cách giải quyết vấn đề và một số kết quả đạt được, những phát hiện cơ bản trong vòng 1-2 trang **Mẫu 5** (viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt).
6. *Mục lục*: đưa đầy đủ tiêu đề chương, mục của nội dung báo cáo bắt đầu từ Mở đầu đầu đến Tài liệu tham khảo: **Mẫu 6.**
7. *Danh mục các hình vẽ* (nếu có): **Mẫu 7.**
8. *Danh mục các bảng biểu* (nếu có): **Mẫu 8.**
9. *Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt* (nếu có): **Mẫu 9.**
10. *Nội dung báo cáo:* nội dung tối thiểu 40 trang đối với KLTN (không bao gồm phụ lục): **Mẫu 10.**
11. *Danh mục tài liệu tham khảo.*
12. *Phụ lục* (nếu có).

**4. HƯỚNG DẪN ĐÓNG BÌA, GHI ĐĨA CD**

**4.1. Đối với Khóa luận tốt nghiệp**

Đối với KLTN cần nộp cuốn in báo cáo (bìa simili in chữ nhũ vàng) và đĩa CD.

 **4.1.1 Đóng bìa simili và in chữ nhũ vàng:**

* Bìa simili màu xanh dương đậm + chữ nhũ vàng.
* Gáy của cuốn Khóa luận ghi họ và tên tác giả, niên khóa đào tạo và năm hoàn thành quyển Khóa luận.

**4.1.2. Đĩa CD**

Đĩa CD cần lưu:

1. File Readme: giới thiệu về tác giả (Họ tên tác giả, email, điện thoại liên hệ), tên đề tài tiếng Việt, tiếng Anh, các hướng dẫn cần thiết khi cài đặt và sử dụng các phần mềm trong báo cáo của Khóa luận. File Readme thường có định dạng .txt (Notepad).
2. Thư mục Word: chứa các file định dạng .docx của Khóa luận (toàn văn của Khóa luận phải được tổng hợp thành một file chung).
3. Thư mục Pdf: chứa các file định dạng .pdf của Khóa luận (toàn văn của Khóa luận phải được tổng hợp thành một file chung).
4. Thư mục Resource: các tài liệu tham khảo, các file bản vẽ, theo định dạng .pdf, .jpg, .png…; phần mềm sử dụng cho Khóa luận (nếu có);
5. Thư mục Source: các kết quả là chương trình, bản vẽ ... sản phẩm của Khóa luận (nếu có).

**4.2. Đối với Đồ án kỹ thuật 1, Đồ án kỹ thuật 2**

Đối với Đồ án kỹ thuật 1, Đồ án kỹ thuật 2 cầnnộp lên hệ thống các phần chi tiết sau:

1. File Readme: giới thiệu về tác giả (Họ tên tác giả, email, điện thoại liên hệ), tên đề tài tiếng Việt, tiếng Anh, các hướng dẫn cần thiết khi cài đặt và sử dụng các phần mềm trong báo cáo của ĐAKT. File Readme thường có định dạng .txt (Notepad).
2. Thư mục Word: chứa các file định dạng .docx của ĐAKT (toàn văn của ĐAKT phải được tổng hợp thành một file chung).
3. Thư mục Pdf: chứa các file định dạng .pdf của ĐAKT (toàn văn của ĐAKT phải được tổng hợp thành một file chung).
4. Thư mục Resource: các tài liệu tham khảo, các file bản vẽ tham khảo theo định dạng .pdf, .jpg, .png…; phần mềm sử dụng cho ĐAKT (nếu có);
5. Thư mục Source: các kết quả là chương trình, bản vẽ ... sản phẩm của ĐAKT (nếu có).

**KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG**